TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-PT
Ngày: 13 - 5 - 2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 88/2019/TLPT-DS ngày 04/4/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1954, vắng mặt.

Cư trú: 13/7/C khóm 3, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959;

2.2. Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1994;

2.3. Bà Phan Thị S, sinh năm 1961;

2.4. Ông Nguyễn Thanh Ch, sinh năm 1989;

2.5. Bà Bùi Thị Bé T, sinh năm 1990.

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà S, ông Ch, bà T, ông Th: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990, theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2018 và ngày 20/11/2018, có mặt.

Cư trú: Ấp KT, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 87 đường THĐ, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1952, vắng mặt.

Địa chỉ: 13/7/C khóm 3, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông H với các bị đơn là chỗ quen biết nhau. Vào tháng 4/2017, ông H có cho ông Ch và bà T vay 37.000.000đồng có làm tờ thỏa thuận và cam kết, không ghi ngày tháng năm cụ thể do ông Ch, bà T ký tên. Khi vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Trong nội dung thỏa thuận, ông Ch và bà T có hẹn đến ngày 05/5/2017 sẽ trả hết số tiền nhưng đến hẹn ông Ch và bà T không trả như cam kết.

Sau đó, cũng trong năm 2017 nhưng không nhớ ngày tháng, ông Ch và bà T có vay thêm của ông H 17.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24K (vàng 9999) có làm tờ thỏa thuận và cam kết nhưng không ghi ngày tháng năm cụ thể do ông Ch và bà T ký tên. Khi vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông Ch và bà T có hẹn đến tết âm lịch năm 2018 sẽ trả vốn và lãi nhưng đến hẹn ông Ch và bà T vẫn chưa trả cho ông H.

Đến ngày 12/01/2018, ông Nguyễn Thanh Th, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S có làm tờ giấy mượn tiền với ông H với nội dung: *"Nguyên trước đây, Nguyễn Thanh Ch và Bùi Thị Bé T có nhận mượn số tiền của dượng Ba Huỳnh Tấn H, khóm 3, thị trấn MA, H. TM, ĐT với số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng) nay gia đình tôi đồng thống nhất trả số tiền nói trên cho Huỳnh Tấn H nếu gia đình tôi không thực hiện đúng theo lời nói như trên thì gia đình chịu trách nhiệm trước pháp luật".*

Đến ngày 13/01/2018, ông Nguyễn Văn L có trả cho ông H 5.000.000đồng. Từ ngày 13/01/2018 đến nay, ông L, ông Th, bà S, ông Ch và bà T chưa trả thêm bất kỳ khoản tiền nào cho ông H.

Do ông L có trả được 5.000.000 đồng nên ông H xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng. Nay, ông H yêu cầu ông Nguyễn Thanh Th, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch và bà Bùi Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Tấn H số tiền nợ vay còn lại 55.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử.

Đối với việc bà T và ông Ch "Thống nhất hỏi cô 3 Hoàng 17.000.000đồng và 02 chỉ vàng" theo "Tờ thỏa thuận và cam kết" không ghi ngày tháng năm, đây là tài sản chung của vợ chồng ông H, vợ chồng ông H thống nhất để ông H khởi kiện, không có tranh chấp đối với số tiền này.

Theo tờ tự khai, văn bản ghi ý kiến cung cấp trong quá trình giải quyết vụ

án, bị đơn ông Nguyễn Thanh Ch, bà Bùi Thị Bé T trình bày:

Vào khoảng tháng 7/2014, do hoàn cảnh khó khăn, con ông bà bệnh nên vợ chồng ông có vay của ông H, bà Ng 02 chỉ vàng 24K, thời điểm này quy ra tiền là 6.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng. Việc vay tiền không làm biên nhận. Vợ chồng ông có có trả lãi đầy đủ. Sau đó, trong năm 2014, có vay nhiều lần của bà Ng thêm 17.000.000đồng. Tổng cộng số tiền vay của bà Ng 23.000.000đồng, lãi suất tính chung trên số tiền 23.000.000đồng là 1.030.000đồng/tháng. Phần này đã trả được được vốn 4.000.000đồng, trả lãi từ tháng 6/2014 đến tháng 7/2017 ngưng. Cũng trong năm 2014, vợ chồng ông còn vay riêng của ông H 37.000.000đồng. Khi vay, không làm biên nhận, mỗi tháng ông trả lãi 1.060.000đồng. Vợ chồng ông trả lãi từ tháng 7/2014 cho đến tháng 12/2016 thì ngưng trả lãi. Đối với số tiền vay của ông H, vợ chồng ông đã trả được vốn 13.000.000đồng, trả lãi 10.000.000đồng nhưng ông H giảm bớt tiền lãi 1.000.000 đồng nên ông bà chỉ trả lãi 9.000.000đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền vợ chồng ông vay của ông H và bà Ng 60.000.000đồng nhưng vợ chồng ông đã trả được 17.000.000đồng, trả lãi 9.000.000đồng, còn nợ lại 43.000.000đồng.

Đây là số nợ của vợ chồng ông, không liên quan đến ba mẹ và em của ông (ông L, bà S và ông Th). Vợ chồng ông đồng ý trả ông H số tiền còn nợ 43.000.000 đồng, không đồng ý để ba mẹ và em trả số nợ này.

Theo tờ tự khai, văn bản ghi ý kiến cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Th trình bày:

Các ông bà xác định số nợ 43.000.000đồng là nợ của vợ chồng ông Ch và bà T. Các ông bà không có trách nhiệm trong số nợ này, không bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng ông Ch và bà T. Trước đây, vì lo sợ ông Ch, bà T bị xã hội đen thanh toán nên các ông bà ký tên đồng ý trả nợ thay cho ông Ch, bà T. Nay, các ông bà thay đổi ý kiến, không đồng ý cùng vợ chồng ông Ch, bà T trả nợ cho vợ chồng ông H, bà Ng. Nợ của vợ chồng ông Ch, bà T thì ông Ch, bà T có trách nhiệm trả nợ cho ông H, bà Ng.

Theo tờ tự khai ngày 19/9/2018 bà Trần Thị Ng trình bày:

Số tiền 17.000.000 đồng và 02 chỉ vàng theo tờ thỏa thuận và cam kết không ghi ngày tháng năm do ông Ch, bà T lập là tài sản chung của vợ chồng bà. Nay, bà thống nhất theo ý kiến của ông H và đồng ý để ông H khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H. Do bà bận việc làm ăn nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 55.000.000 đồng, rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn H.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Tấn H số tiền gốc 55.000.000 *(Năm mươi lăm triệu)* đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.750.000 *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 12 năm 2018 các bị đơn Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận: Các bị đơn không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Ông Ch, bà T thừa nhận có nợ ông H 60.000.000đồng, đến ngày 12/01/2018 các ông bà L, S, Th viết giấy mượn tiền với ông H đồng ý và cam kết trả nợ cho ông H, sau đó ông L có trả cho ông H được 5.000.000đồng. Ông Ch, bà T cho rằng đã trả nợ vốn cho ông H 17.000.000đồng, trả lãi 9.000.000đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải liên đới trả cho ông H 55.000.000đồng là có cơ sở, các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T nhận được bản án sơ thẩm ngày 21/12/2018, làm đơn kháng cáo ngày 24/12/2018 và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Huỳnh Tấn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[3] Xét kháng cáo của Ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T :

Bà Bùi Thị Bé T, ông Nguyễn Thanh Ch đều thừa nhận có vay của ông Huỳnh Tấn H số tiền 60.000.000đồng, có viết hai tờ thỏa thuận và có cam kết trả nợ, nhưng cho rằng đã trả cho ông H được 17.000.000đồng tiền vốn và trả lãi được 9.000.000đồng. Tuy nhiên, ông Ch, bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có trả cho ông H số tiền trên và lời khai của ông Ch, bà T không được ông H thừa nhận, do đó không có cơ sở xác định ông Ch, bà T có trả cho ông H 17.000.000đồng tiền vốn và lãi 9.000.000đồng. Ông H chỉ thừa nhận ông Nguyễn Văn L là cha của ông Ch trả được 5.000.000đồng, nên cấp sơ thẩm buộc ông Ch, bà T phải trả cho ông H 55.000.000đồng là có cơ sở.

Về trách nhiệm liên đới: Tuy ông L, bà S, ông Th không vay và nhận tiền của ông H, nhưng vào ngày 12/01/2018 các ông bà L, S, Th lại viết giấy mượn tiền, nội dung ông Ch, bà T có mượn của ông H 60.000.000đồng, thống nhất trả số tiền trên cho ông H và cam kết nếu không thực hiện đúng thì sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Như vậy, các ông bà Liệp, Sang, Thắng đã thừa nhận nợ và cam kết trả số tiền 60.000.000đồng cho ông H, sau đó ngày 13/01/2018 ông L có thực hiện một phần nghĩa vụ là trả cho ông H 5.000.000đồng, do đó cấp sơ thẩm buộc các ông bà Liệp, Sang, Thắng phải liên đới cùng ông Ch, bà T phải trả cho ông H 55.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp. Các ông bà Ch, T, L, S, Th kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông bà Chiến, Thơ, Liệp, Sang, Thắng mỗi người phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn H.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Tấn H số tiền gốc 55.000.000 *(Năm mươi lăm triệu)* đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Thanh Ch, ông Nguyễn Thanh Th, bà Bùi Thị Bé T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.750.000 *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Các ông bà Nguyễn Văn L, bà Phan Thị S, Nguyễn Thanh Ch, Nguyễn Thanh Th, Bùi Thị Bé T mỗi người phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0012611, 0012612, 0012613, 0012614, 0012615 cùng ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM (Đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- TAND huyện CM;
- THA huyện CM;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng